

ĐỘI NGŨ TRI THỨC NHO HỌC Ở NAM BỘ QUA CÁC THI XÃ (Thế kỷ XVIII – XIX)

Trần Thi Kim Dung

Các tài liệu được biết cho tới nay chưa cho phép tìm hiểu một cách chi tiết sự hình thành và phát triển trong thời kỳ đầu của Nho giáo ở Nam Bộ. Song qua sự ra đời và hoạt động của ba thi xã: CHIÊU ANH CÁC (1736); BÌNH DƯƠNG THI XÃ (đầu thế kỷ XIX); BẠCH MAI THI XÃ (giữa thế kỷ XIX) giúp ta có một cái nhìn khái quát về đội ngũ tri thức Nho học ở Nam Bộ trong giai đoạn này.

1. CHIÊU ANH CÁC

Chiêu Anh Các ra đời và gắn liền với công cuộc khai phá vùng đất mới Hà Tiên của họ Mạc, đây là phen giậu tiền đồn ở biên thủy phía Nam của Đàng Trong. Bảy giờ Nho giáo đã được truyền bá vào Đàng Trong cùng với quá trình tàn tạ nhanh chóng của chế độ phong kiến. Cùng với quá trình này, vai trò và sắc thái của Nho giáo cũng trở nên mờ nhạt hơn trong khi Phật giáo và Đạo giáo lại có cơ hội phát triển trên vùng đất mới, từ đó tính chất Nho giáo đang hình thành trên vùng đất này có vẻ mềm mại hơn, không bị khuôn cứng như ở Đàng Ngoài. Tính chất này cũng được thể hiện rất rõ trong hoạt động của Chiêu Anh Các sau này.

Chiêu Anh Các như tên gọi (chiêu là chiêu tập, hội họp; anh là anh hùng, anh tài; các là toà lâu các; là nơi chiêu tập hội họp các bậc anh tài tuấn kiệt) ra đời vào đúng ngày Tết Nguyên Tiêu rằm tháng giêng năm Bính Thìn (1736), trên đỉnh núi Bình Sơn. Người sáng lập là Mạc Thiên Tích, thân sinh của ông là Mạc Cửu, người phủ Lô Châu, tỉnh Quảng Đông, quy thuận chúa Nguyễn, được phong chức Tổng binh, tước hầu, làm quan trấn Hà Tiên.

Trong *Phủ Biên Tạp Lục*, Lê Quý Đôn đã viết về Mạc Thiên Tích như sau:

“Năm Vĩnh Hựu, Bính Thìn (1736) Mạc Thiên Tích kế tập tước cha, chiêu mộ văn sĩ, yêu chuộng từ chương, phong lưu tài vận nổi tiếng một cõi”.

Mạc Thiên Tích vừa hưởng được thành quả khai cương lập ấp của cha đã nghĩ ngay đến việc chấn hưng văn hoá, truyền bá Nho phong, làm cho đất Hà Tiên được mở mang, hưng thịnh, chính vì vậy mà hoạt động của Chiêu Anh Các không chỉ đơn thuần như một tao đàn mà nó bao trùm nhiều mặt.

Một là để sáng tác, xướng hoạ bình phẩm thơ văn. Khác với Bình Dương Thi Xã và Bạch Mai Thi Xã sau này, những người chủ xướng của Chiêu Anh Các, chính vì vậy mà còn lưu lại cho hậu thế khá nhiều bản thơ của Chiêu Anh Các dù không đầy đủ.

Hai là để truyền bá Nho học và lễ giáo phong kiến là hệ tư tưởng phổ biến lúc bấy giờ. Như đã nói do điều kiện lịch sử lúc ấy, Nho giáo truyền bá vào Đàng Trong rất mờ nhạt, song so với Phật giáo và Đạo giáo, Nho giáo đã từng bước vươn lên vị trí quan trọng nhất trên vũ đài chính trị tư tưởng, trở thành công cụ đắc lực cho giai cấp phong kiến thống trị. Đến đây dù Nho giáo không giữ được vai trò của các thế kỷ trước đó nữa nhưng nó vẫn là kim chỉ nam, là công cụ thống trị tinh thần rất cần thiết của những người cầm quyền trên vùng đất mới này. Với họ Mạc, đây còn là vũ khí lợi hại có thể sử dụng để ổn định tình hình phức tạp về sinh hoạt tinh thần của đám cư dân tứ chiếng đến đây làm ăn sinh sống.

Ba là lập trường theo học kiểu nghĩa thực, đón nhận “con em tuấn tú cùng là học trò nghèo khó đều đem về truyền dạy có thể xem đây là trung tâm giáo dục miễn phí lấy Nho giáo làm nền tảng để đào tạo một lớp người thấm nhuần Khổng giáo. Mạc Thiên Tích còn tự tay Đạo giáo. Mạc Thiên Tích còn tự tay dựng chùa và một trong những cảnh đẹp của Hà Tiên được ông xướng vịnh là Tiêu tự Thần Chung. Đến đây ta liên

tưởng đến việc Nguyễn Hoàng vừa vào đến vùng đất mới đã cho dựng chùa Thiên Mụ giữa lúc bộn bề bao mối lo toan. Thời bấy giờ, việc dựng chùa xây tháp chính là một cách quy tụ lòng người tế nhị và hiệu quả hơn cả. Tiếng chuông chùa, tiếng tụng kinh gõ mõ đôi khi còn có tác dụng tốt đẹp, vượt ra ngoài chủ đích của các nhà tu hành cao minh. Có lẽ khi quy phục chúa Nguyễn họ Mạc cũng đã thấm nhuần được tư tưởng ấy chăng.

Bốn là: Chiêu Anh Các không đơn thuần chỉ là việc nhóm họp tao nhân mặc khách, quy tụ sĩ tử bốn phương để cùng nhau xướng vịnh ngâm hoạ mà còn là nơi bàn bạc về thời thế, về những vấn đề kinh luân thao lược, về chính trị, quân sự, kinh tế, liên quan trực tiếp đến sự sống còn hưng thịnh của vùng đất phen giậu Hà Tiên.

Lực lượng tham gia sáng tác ở Chiêu Anh Các chưa được sử cũ ghi chép đầy đủ nên cho đến nay có nhiều tranh cãi xung quanh số nhân vật tham gia xướng hoạ ở Chiêu Anh Các.

Đông Hồ đã liệt kê chín sử liệu về vấn đề này (Văn hoá nguyệt san, năm 1956, số 8 - 9, tr 1255 - 1272), nhiều nhà nghiên cứu khác cũng đưa những cứ liệu riêng. Dù số nhân vật mỗi người đưa ra chưa đồng nhất, nhưng tựu chung lại có thể cho ta nhận biết được trong thành phần tham gia Chiêu Anh Các gồm có cả người Việt lẫn người Hoa.

Trong lực lượng người Hoa hoặc lai Hoa như Mạc Thiên Tích, Tô Dàn đạo sĩ, Hoàng Long hoà thượng, Trần Hoài Thuỷ... thì hầu hết những người Hoa có tên trong Chiêu Anh Các mà sử cũ nói tới đều chưa hề đặt chân đến Hà Tiên. Họ chỉ tiếp xúc với những bài chủ xướng của Mạc Thiên Tích thông qua Trần Hoài Thuỷ, rồi từ trên đất Trung Quốc hoạ lại thơ Mạc Thiên Tích bằng những rung cảm riêng của mình. Trong bài tựa Hà Tiên Thập Vịnh của Mạc Thiên Tích có viết: “Mùa xuân năm Bính

Thìn 1736, có thầy Trần Hoài Thuỷ từ biển Đông vượt biển đến đây. Ta đãi thượng khách. mỗi khi hoa sớm trăng đêm ngâm vịnh chẳng thôi. Nhân đem Hà Tiên Thập cảnh trình cho tri kỷ, thầy Trần dựng cờ tao đàn, mở hội phong nhã. Sau đó thầy Trần trở thuyền về Châu Giang (Trung Quốc) đưa ra làng thơ, nhờ được chữ công chẳng bỏ. Khi đề vịnh xong góp thành tập gửi cho ta, bèn cho khắc bản”.

Người Việt tham gia Chiêu Anh Các không nhiều, có thể vì đây là vùng đất xa xôi, nơi sơn cùng thuỷ tận. Những lưu dân người Việt đặt chân đến vùng đất Hà Tiên này sớm nhất có lẽ cũng từ giữa thế kỷ XVII, đó là những nông dân nghèo khổ xiêu tán do chính sách cai trị bóc lột dã man của phong kiến Trịnh - Nguyễn, ngoài ra còn có những tù nhân bị lưu đày, những người trốn tránh binh dịch, đa số họ là nông dân nên có lẽ ít lưu ý đến văn chương. Vì vậy, số người Việt có văn tài thường xuyên có mặt ở Hà Tiên, trực tiếp xây dựng và tham gia những hoạt động phong phú của Chiêu Anh Các rất ít, song ảnh hưởng của Chiêu Anh và Mạc Thiên Tích rất đáng kể, ta có thể thấy rõ điều đó qua các tác phẩm của Chiêu Anh Các; mặt khác sự tham gia xướng hoạ của những người Hoa ngay trên đất Trung Quốc đã cho thấy ảnh hưởng của chính Chiêu Anh Các ra ngoài chữ không phải ngược lại.

Về số lượng tác phẩm của Chiêu Anh Các thì trong bài **Tân Tục** viết khi cho khắc in lại sách Minh Bột Di Ngự năm 1281, **Trịnh Hoài Đức** viết: “Tôi vào tuổi thành đồng đã từng thấy:

- Hà Tiên thập cảnh toàn tập
- Minh bột di ngự
- Hà Tiên vịnh vật thi tuyển.
- Châu thị Trinh liệt tặng ngôn.
- Thi truyện tặng Lưu Tiết phụ.
- Thi thảo cách ngôn di lập.

Cả sáu bộ đã xuất bản, lưu hành gần xa, các sĩ phu đọc từng bài tán phục...”

Ngoài các tác phẩm viết bằng chữ Hán, còn có những tác phẩm viết bằng chữ Nôm như *Hà Tiên thập cảnh khúc vịnh*, có nhiều người cho rằng Mạc Thiên Tích chính là tác giả mười bài thơ này, song cũng có ý kiến ngờ rằng không phải của họ Mạc mà của một người Việt nào đó đã từng đến Hà Tiên và tâm đắc với mười cảnh đẹp trong thơ chủ xướng của Mạc Thiên Tích mà họa nên.

Chúng ta tạm bằng lòng với số tác phẩm được sử sách nhắc đến ở trên để tìm hiểu nội dung chứa đựng bên trong đó. Trong bài tựa tập *Hà Tiên thập cảnh*, Mạc Thiên Tích đã viết: *Thơ này chẳng những làm cho chốn ven biển thêm phần tươi đẹp mà cũng là trang sử của trấn Hà Tiên vậy*, qua đó có thể thấy chí lớn ca ngợi đất nước, suy tôn công lao mở đất nước của người trước và viết thêm trang sử cho con cháu mai sau.

Nguồn cảm hứng và nội dung thơ ca Chiêu Anh Các bắt nguồn từ cuộc sống lao động của con người và cảnh sắc Hà Tiên. Những sinh hoạt đời thường như: cày cấy, đánh cá... của cư dân vùng biển cực nam của đất nước hòa lẫn trong cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, tạo nên một không khí thái bình no ấm. Những cảnh đẹp được xướng họa trong Hà Tiên thập vịnh như: Kim dự làn đào (Đào vàng chấn sóng); Bình san điệp thủy (dãy núi như bức bình phong trùng điệp màu xanh); Tiêu tự thần chung (tiếng chuông buổi sáng sớm ở ngôi chùa tịch mịch); Giang thành ọ cổ (Tiếng trống đêm ở bức thành sông); Châu nham lạc lộ (Cò đậu trên đất đỏ); Đông hồ ấn nguyệt (Trăng in ở hồ nước phía đông); Nam phổ trùng ba (Bãi Nam giữ sóng); Lộ trí thôn cư (Thôn xóm ở Mũi Nai); Lư khê ngư bạc (Thuyền chài ở Rạch Vược) thể hiện tình cảm chân thành, nồng nàn và sâu sắc của thi nhân Chiêu Anh Các đối với Hà Tiên.

Đất nhờ người mà dạt dào sức sống, nhờ thơ mà giàu sức cuốn hút đến lạ thường. Thơ Chiêu Anh Các không phải

loại thơ nhàn tản tiêu khiển trong lúc trà dư tửu hậu, không uỷ mị bi quan mà tràn đầy sức sống, bừng bừng khí thế xây dựng cuộc sống mới, mong muốn gìn giữ và bồi đắp mảnh đất Hà Tiên. Đó cũng là cái chất hết sức Việt Nam trong khuynh hướng thi văn Chiêu Anh Các. Đây cũng là điểm khác nhau của Chiêu Anh Các với Tao đàn được sáng tác để ca ngợi chế độ phong kiến đương thời, đề cao người sáng lập, còn trong thơ Chiêu Anh Các thì hình ảnh chúa Nguyễn và chế độ phong kiến Đàng Trong rất mờ nhạt, thay vào đó là hình ảnh con người và quê hương mới, gần gũi, bình dị và tràn đầy lòng yêu thương.

Dư âm thơ Chiêu Anh Các đã làm rung động hồn thơ của giới Nho sĩ tài danh ở Đàng Ngoài lẫn Đàng Trong. Giữa thế kỷ XVIII, Nguyễn Cư Trinh đã họa lại mười bài chủ xướng của Mạc Thiên Tích với tấm lòng cảm kích. Gần 40 năm sau khi Chiêu Anh Các ra đời, Lê Quý Đôn đến Phú Xuân đã từng thán phục: “Không thể bảo rằng ở hải ngoại xa xôi không có văn chương vậy”. Đầu thế kỷ XIX, Gia Định Tam gia đã tổ chức Bình Dương Thi xã, rồi cũng nữa thế kỷ sau đó, Bạch Mai Thi xã lại ra đời trên đất Gia Định, đây phải chăng là sự tiếp nối văn mạch đã được khơi lên từ Chiêu Anh Các hơn nữa thế kỷ trước đó.

2. BÌNH DƯƠNG THI XÃ

Tao đàn Chiêu Anh Các chợt nở rộ rồi cũng chợt tàn lụi. Đầu thế kỷ XIX, văn học Nam Bộ bỗng bùng lên với Bình Dương Thi xã, nơi hội tụ khá đông văn nhân tài tử mà trong đó nổi bật hơn cả là Gia Định Tam gia: Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhân Tĩnh. Thi xã này còn mang danh là Sơn Hội vì tên các hội viên đều có chữ Sơn (Chỉ Sơn Trịnh Hoài Đức, Như Sơn Ngô Nhân Tĩnh...). Gia Định Tam gia là những học trò nổi tiếng của thầy Võ Trường Toản và thầy Đặng Đức Thuật. So với Trung, Bắc, với Huế, Hà Nội thì Sài Gòn – Gia Định là đất mới, nhà nước phong kiến lúc đầu

còn chưa quan tâm đến việc học hành thi cử. Song đặc tính hiếu học của người Việt Nam thì đâu cũng thấy và cái mục đích của sự học lúc đầu không phải là để đỗ đạt làm quan mà để biết chữ, học để làm người, nên phép dạy và học rất phóng khoáng. Thầy Võ, thầy Đặng lấy lối học nghĩa lý để giáo hoá, nên các học trò cũng thụ hưởng tư tưởng của thầy. Sau này, khi giới sĩ phu trẻ là môn sinh của các thầy tham gia vào hoạt động của nhà nước phong kiến thì họ cũng có cái nhìn phóng khoáng hơn. Mặt khác do đặc thù của vùng đất mới, nền kinh tế nông nghiệp ở Nam Bộ đã mang yếu tố hàng hoá và sinh hoạt đô thị (Trịnh Hoài Đức dòng dõi thương nhân Minh hương, Lê Quang Định mồ côi từ nhỏ phải lưu lạc vào Nam kiếm sống...).

Nguồn gốc của Nho sĩ ở Nam Bộ khá phong phú bao gồm những người ở tại chỗ, là người Nam Bộ, những người từ các nơi khác đến đây vì các lý do chính trị, vì chiến tranh ... những hoàn cảnh sống và kinh nghiệm sống khác nhau hội tụ lại đây, có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của Nho giáo ở Gia Định nói chung và Nam Bộ nói riêng, đồng thời tạo ra một sắc thái mới cho Nho giáo ở Nam Bộ. Điển hình như thái độ đối với tôn giáo của các Nho sĩ Gia Định: Trịnh Hoài Đức từng kết thân với hoà thượng Viên Quang; Ngô Nhân Tĩnh ưa thích kinh Dịch của Nho giáo, kinh Kim Cương của nhà Phật, và cả thiên Tiêu Dao Du trong Nam Hoa Kinh của Trang Tử, kinh Hoang Đình của Đạo gia. Ngay tư tưởng trung quân của họ cũng thực tế hơn: Trịnh Hoài Đức với bài thơ Hoạ Bắc Hà Đặng Trần Thường đầu Nam tự sự nguyên vận đã khuyến khích Thường xoá bỏ mặc cảm không tận trung với triều Lê ở Bắc Hà để hết lòng thờ Nguyễn Ánh, xem đó là: “Anh hùng quý được minh quân mà thờ”. Phải chăng từ đây chữ trung trong quan niệm của Nho giáo đã được hiểu một cách cụ thể hơn, thực tế hơn, để rồi nữa thế kỷ sau đó khi triều Nguyễn tỏ ra bất lực

trước công cuộc kháng chiến chống Pháp thì tầng lớp Nho sĩ đã không ngần ngại chuyển từ chữ trung với quân thành trung với dân, với nước.

Trở lại với Bình Dương Thi xã và những khuôn mặt tiêu biểu của Gia Định Tam gia. Thơ văn của Bình Dương Thi xã không phải là những câu sáo về phong hoa tuế nguyệt nói chung mà mô tả cảnh vật, con người, sự việc cụ thể của địa phương. Các thông chí của họ thật quý giá, làm cho dân ta biết thêm về xứ sở quê hương mình. Qua thơ văn của Bình Dương Thi xã, cảnh vật con người trên đất Gia Định cũng trở nên tươi đẹp hơn. Phải chăng, dòng văn mạch đã được khơi nguồn từ Chiêu Anh Các đến đây lại được nối tiếp, hồn thơ của thi nhân Chiêu Anh Các và thi nhân Bình Dương đã gặp nhau ở điểm chung này. Có chăng là các thi sĩ của Bình Dương Thi xã sáng tác trong bầu không khí hân hê của những người vừa chiến thắng trong cuộc chiến tranh giữa nhà Nguyễn với Tây Sơn.

Một đặc điểm đáng lưu ý nữa là học thuật và trước thuật của Tam gia, họ rất thành thạo môn Dư địa chí. Trịnh Hoài Đức có Gia Định thành công chí; Lê Quang Định làm Đại Việt thống nhất dư địa chí, khảo đủ đồ tịch trong nước, từ kinh sư vào Nam tới Hà Tiên, ra Bắc tới Lạng Sơn; Ngô Nhân Tĩnh đưa sáng kiến cho Đốc học Nghệ An Nguyễn Vĩnh viết Phong Châu phong thổ hoại và có phụ chép một bộ sách Nghệ An ký. Đó là những người đi nhiều, hiểu nhiều, phát xuất từ thực tiễn phong phú của cuộc sống và tâm hồn thơ phóng khoáng, các thi nhân của Bình Dương thường cảm tác trên những đề tài cụ thể, và sử dụng những ngôn ngữ mộc mạc của nhân dân, khiến cho cảnh vật trong thơ văn họ được tái tạo một cách sinh động, chân thật và gần gũi với đời thường. Trịnh Hoài Đức đã để lại những bài thơ hay như: Vịnh cây liễu nước, Vịnh cảnh thôn quê Long Tích, phiên chợ núi bến cá, Mưa đêm ở Mỹ Tho, Mưa thu với người làm ruộng, Xã Quất

ương tư tằm, Chim mòng ngủ ao sen; Lê Quang Định với các bài thơ Đi thuyền trên sông Tiêu Tương; Ngô Nhân Tĩnh với những bài cảm hứng về trấn Hà Tiên: Ở nơi trọ thành Hà Tiên, Từ biệt các bạn ở thành Hà Tiên.

Khó mà xác định một cách chính xác được “năm sinh và năm mất” của Bình Dương Thi xã song tiếng vang của Bình Dương Thi xã không phải là nhỏ, thi nhân của Bình Dương từng được các danh sĩ Bắc Hà như: Bùi Dương Lịch, Nguyễn Du đánh giá rất cao. Chính Bình Dương Thi xã đã góp phần tạo ra một không khí sinh hoạt văn học sôi nổi trên đất Gia Định, và là cơ sở cho sự ra đời của Bạch Mai Thi xã sau này.

3. BẠCH MAI THI XÃ

Bạch Mai Thi xã ra đời và gây tiếng vang mạnh mẽ nhất vào khoảng giữa những năm 50 của thế kỷ XIX. Trong *Gia Định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức đã mô tả địa điểm ra đời của Bạch Mai Thi xã như sau: *“Gò Cây mai ở phía nam trấn ba chục dặm rưỡi, nơi đây, gò đất nổi cao, có nhiều nam mai, cành chỉ chít hoa, không có tuyết, chỉ có giá đỗ, mùi rất thơm. Hoa này tự linh khí mà sinh ra, không thể đem đi trồng nơi khác được. Trên gò có chùa An Tôn, đêm vang tiếng đọc kinh, chuông sáng, trống chiều rền trong mây khói. Lại có suối chảy quanh chân gò. Các du nữ chiều mát chống thuyền hái sen. Gặp ngày trời đẹp, văn nhân thi sĩ mang bầu rượu theo từng bậc cấp, ngâm vịnh ở đầu gò. Dưới gốc mai, hoa cùng văn tự nồng nực hương thơm, thật là thắng cảnh cho mọi người du lãm* (Trịnh Hoài Đức – Gia Định thành thông chí - quyển 1, tờ 19b và 20a).

Như vậy thời điểm Bạch Mai ra đời, lúc ấy sáu tỉnh miền Nam còn đang trong cảnh trí thái bình, có lẽ vậy mà đã cuốn hút sĩ tử bốn phương đi lại tụ họp ngày càng đông, đa số họ là những văn nhân trứ danh của đất Đồng Nai Bến Nghé như: Trương Hào Hiệp, Phan Hiển Đạo,

Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Đình Chiểu, Huỳnh Mẫn Đạt... Trong đó có Tôn Thọ Tường, người nổi tiếng với văn tài lỗi lạc, là một trong những cây bút chủ lực của Bạch Mai Thi xã, tiếc thay lại cũng chính ông - người bạn thơ tâm đắc của những nhà thơ Bạch Mai – đã sớm trở thành một trong những người đầu tiên ra làm việc cho bọn “Bạch quỷ” (thực dân Pháp), để rồi phải ngậm ngùi đối chất với các bạn thơ về hành động sai lầm của mình, để rồi phải ân hận, tiếc nuối đến suốt đời.

Theo tục truyền thì Bạch Mai Thi xã, mỗi tháng một lần vào tuần trăng sáng có cuộc hội họp để các thi nhân cùng nhau uống rượu ngâm thơ. Bạch Mai Thi xã đã ra đời như một sản phẩm tự nhiên của những cuộc tiêu dao, vì vậy mà nó cũng hoạt động một cách tự nhiên, không có tổ chức hay điều lệ bắt buộc. Mỗi người đi lại với Bạch Mai Thi xã thường mang theo bầu rượu, túi thơ của mình, tất nhiên là cả những thực phẩm của địa phương mình, rồi cùng tụ họp trên đồi cây mai để ngâm vịnh hoặc cùng thả hồn trên sóng nước Đồng Nai.

Thơ của Bạch Mai chủ yếu là ca ngợi thiên nhiên, đề cao thú vui kẻ sĩ, để thù tạc, thể hiện tinh thần nhàn hạ, phóng khoáng của tầng lớp tri thức trong xã hội. Vì là để thù tạc nên các tác phẩm của Bạch Mai cũng như của Bình Dương thi xã tiếc thay đã không được in khắc lại, trải qua bao biến cố thăng trầm đã bị thất lạc rất nhiều, chỉ còn sót lại ít bài như: Chiêu Quân xuất tái của Tú Tuyền, Vịnh làng Hoà Khánh của Cử Thạnh...

Bạch Mai Thi xã chưa hoạt động được bao lâu thì thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta, triều Nguyễn bị tư tưởng bạc nhược lũng đoạn, đã không dám đương đầu với vai trò lịch sử của mình, nhân dân Nam Bộ đã tự động tổ chức lực lượng để chống xâm lược. Cảnh nhà tan nước mất xảy ra, gò Cây mai bị giặc chiếm đóng, Bạch Mai Thi xã tan rã trong ngõ ngách, bàng hoàng. Thương

thay, nơi tụ họp của các tay thợ thuyền, rượu thánh giờ biến thành một chiến trường xương rơi, máu đổ. Trong biển cổ lớn lao và dòn dập ấy, thi nhân Bạch Mai kịp nhận ra vai trò của kẻ sĩ trong sự nghiệp cứu nước, cứu dân, và cũng thật tự nhiên, họ đã lại nhóm họp với nhau, không phải để ngâm thơ xướng hoạ an nhàn mà biến thơ văn của mình thành vũ khí sắc bén trong công cuộc kháng chiến chống xâm lăng. Đại đa số họ đã đứng trên cùng một trận tuyến, quyết đánh giặc đến cùng, chỉ có rất ít người đã không đủ dũng khí, từ chỗ hoang mang, dao động đến chỗ mất phương hướng, cam tâm làm tay sai cho Pháp, mà điển hình là Tôn Thọ Tường.

Bạch Mai Thi xã tan rã, nhưng tầng lớp tri thức Nho học của Nam Bộ, những người đã từng đến đây tụ họp dưới gốc cây thuở nào, lại cùng nhau xướng hoạ nên dòng văn thơ yêu nước, tấn công quyết liệt vào kẻ thù, đó chính là dòng chỉ lưu của văn học Nam Bộ nửa sau thế kỷ XIX vậy.

Qua sự ra đời và hoạt động của ba thi xã Chiêu Anh Các, Bình Dương và Bạch Mai, có thể nói rằng đội ngũ tri thức Nho học ở Nam Bộ đã trải qua ba cuộc hội tụ lớn, đã góp phần hình thành nên nét tính cách riêng của tầng lớp tri thức Nho học ở Nam Bộ. Do gắng liền với công cuộc khai phá vùng đất mới, do nguồn gốc xuất thân đa dạng, do nhiều nguyên nhân khác nhau: chiến tranh, chính trị, mưu sinh... họ cùng hội tụ về đây, trên mảnh đất này, cùng hoà nhập vào công cuộc khai đất mở làng của nhân dân, họ là những người đã lăn lộn với thực tiễn, hiểu được cuộc sống lao động và tâm tư của những người nghèo khổ, thế nên thơ văn của họ cũng gần gũi với đời thường, thấm đượm một tình yêu đối với cuộc sống, thiên nhiên, con người, tình yêu quê hương sâu sắc. Trong thơ họ, bóng dáng của chế độ phong kiến, của vua quan nhà Nguyễn rất mờ nhạt, điều đó chứng tỏ ý thức hệ tư tưởng Nho giáo phong kiến đã không

thể buộc chặt lấy họ, chính vì vậy mà khi đứng trước biển cổ lớn lao của đất nước, họ đã có thể thoát ra khỏi những ràng buộc của hệ tư tưởng lỗi thời ấy để nhanh chóng hoà nhập vào xu thế chung của dân tộc. Mặc dù những cố gắng của họ đã không đem đến thành công, do những hạn chế của tư tưởng, của thời đại, song họ xứng đáng là tầng lớp tiên phong, mở đường cho cả dân tộc vươn tới một tầm cao mới trong công cuộc kháng chiến sau này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 250 năm Tao Đàn Chiêu Anh Các (1736 – 1986). Sở văn hoá thông tin Kiên Giang, 1987.

- Địa chí văn hoá TP. Hồ Chí Minh. Tập II. Văn học Trần Văn Giàu, ... Nxb Tp. Hồ Chí Minh, 1988.

- Tìm dấu cây mai. Thái Văn Kiểm, Bách Khoa LXXVIII, trang 51-58.

- Đất Hà Tiên với họ Mạc và họ Lâm. Nguyễn Hiến Lê, Bách Khoa, số 340, tr 37- K1.

- Tác phẩm và thi phẩm Hán của thi xã Chiêu Anh Các. Đông Hồ, VHNS, số 6, 1965, tr 927- 936.

- Sử liệu và vănliệu về Chiêu Anh Các (1736 – 1771), Đông Hồ, VHNS, số 14, 1965, trang 1255 – 1273.

- Võ Trường Toản và Gia Định tam gia. Nguyễn Thanh Cung, Nguyễn Văn Bửu... VHNS, Số 55, trang 1201 – 1227.

- Võ Trường Toản, Nam Xuân Thọ, Tủ sách những mảnh gương đất Việt, 1958, trang 5-18.

Nguồn: [http:// www.hcmussh.edu.vn](http://www.hcmussh.edu.vn)